

Summary of Channel 31: Lat: 24-32-51.0 N Lon: 81-47-50.0 W ERP: 2.340 kW ComStudy 2.2 RadioSoft

CallSign	Fac ID	City	Class	Type	ERP	Sep Ty	Status	Bearing	Dist	Clearance	DU	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Co	Svc Co dBm	Contm	dBu	Old Pwr	New Pwr	Pct Total	Pct Old	Pct New	Pct Old	Pct New	Pct Old	Pct New	
WTVJ	123231	MIAMI	DIG RLAPP		1000.0	C/M	Clear	44.73	223.7	15.5	2	14.0	3	UHF	31	Co	LR	F(50.9040)	F(50.1019)	0.0%	0.0%	389805	389805	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
NEW	130472	KEY	W LPTV	APP	20.000	C/M	Clear	330.20	1.0	-9.7	-9	8.0	0	UHF	16 -	T-15	LR	F(50.5074)	F(50.1080)	0.0%	0.0%	28370	28370	0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
NEW	130472	KEY	W LPTV	APP	2.000	C/M	Clear	330.20	1.0	-5.8	-9	8.0	0	UHF	16 +	T-15	LR	F(50.5074)	F(50.1080)	0.0%	0.0%	28242	28242	0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
W31AB	4324	KEY	W LPTV	LIC	2.240	C/M	CallSign	38.22	5.0	0.0	45	8.0	0	UHF	31	Co	LR	F(50.5074)	F(50.1029)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W31AB	4324	KEY	W LPTV	CP	4.000	C/M	CallSign	330.20	1.0	0.0	45	8.0	0	UHF	31	Co	LR	F(50.5074)	F(50.1029)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WTVJ	46808	MIAMI	DIG RUAPP		88.200	C/M	Clear	45.01	224.5	25.0	2	14.0	3	UHF	31	Co	LR	F(50.9040)	F(50.1019)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
NEW	128708	BKG	P W LPTV	CP	38.700	C/M	Clear	76.80	50.6	37.3	-9	8.0	0	UHF	16 -	T-15	LR	F(50.5074)	F(50.1080)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WTVJ	83154	MIAMI	DTV	LIC	1000.0	C/M	Clear	50.21	173.5	51.1	-49	14.0	3	UHF	30	A-1	LR	F(50.9040)	F(50.1088)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WTVJ	83154	MIAMI	DTV	LIC	1000.0	C/M	Clear	50.21	173.5	51.1	-49	14.0	3	UHF	30	A-1	LR	F(50.9040)	F(50.1088)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WVCU	82388	FORT	DTV	LIC	50.000	C/M	Clear	0.79	252.1	95.4	2	14.0	3	UHF	31	Co	LR	F(50.9040)	F(50.1019)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WVCU	82388	FT MY	DTV	CP	50.000	C/M	Clear	0.80	252.1	96.1	2	14.0	3	UHF	31	Co	LR	F(50.9040)	F(50.1019)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WPMF	30129	MIAMI	A	LIC	14.000	C/M	Clear	49.54	211.2	102.4	45	8.0	0	UHF	31 -	Co	LR	F(50.5074)	F(50.1029)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W32AB	8044	MATEO	LPTV	LIC	29.700	C/M	Clear	89.80	128.8	107.7	-3	8.0	0	UHF	32	A+1	LR	F(50.5074)	F(50.1089)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WPMX	46808	MIAMI	NTSC	LIC	3240.0	ND	Clear	49.42	195.6	163.6	-	-	3	UHF	35 Z	T+4	LR	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WYDT	25538	NAPLES	LIC	20.500	C/M	Clear	359.49	183.9	168.0	-3	8.0	0	UHF	32 +	A+1	LR	F(50.5074)	F(50.1089)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WBPX	51323	WEST	LPTV	CP	50.000	C/M	Clear	34.19	304.1	202.7	45	8.0	0	UHF	31 +	Co	LR	F(50.5074)	F(50.1028)	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	